

Số: 886../TM-YDTB

Hưng Yên, ngày 27 tháng 7 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

(V/v: Cung cấp các vị thuốc đông y phục vụ giảng dạy)

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Trường Đại học Y Dược Thái Bình đang có nhu cầu mua các vị thuốc đông y để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học năm học 2026-2027, gồm các danh mục sau:

STT	Tên thuốc	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Ba kích chế	Kg	3	
2.	Bá tử nhân chế	Kg	0,5	
3.	Bạc hà chưa chế	Kg	2	
4.	Bách bộ chưa chế	Kg	9	
5.	Bạch chỉ chưa chế	Kg	5	
6.	Bạch linh chưa chế	Kg	8,5	
7.	Bình lang(hạt cau) chưa chế	Kg	1	
8.	Bạch thược chưa chế	Kg	12	
9.	Bạch truật chưa chế	Kg	12	
10.	Bán hạ sống chưa chế	Kg	0,5	
11.	Bình vôi chưa chế	Kg	0,5	
12.	Bồ công anh	Kg	0,5	
13.	Bông mã đề chưa chế	Kg	0,5	
14.	Cam thảo chế	Kg	4	
15.	Cam thảo thái sẵn	Kg	5,1	
16.	Cam thảo chưa chế(loại cành nhỏ)	Kg	12	
17.	Cát cánh chế	Kg	3	
18.	Cát cánh chưa chế	Kg	5	
19.	Cát căn chưa chế	Kg	1	
20.	Cát căn đã thái	Kg	1	
21.	Cốt khí củ chưa chế	Kg	2	
22.	Cối xay chưa chế	Kg	1	

23.	Cửu không chưa chế	Kg	2	
24.	Cốt toái bỏ chưa chế	Kg	0,5	
25.	Cúc hoa chưa chế	Kg	3	
26.	Cỏ ngọt chưa chế	Kg	3	
27.	Chè vằng chưa chế	Kg	30	
28.	Đại hoàng chưa chế	Kg	0,5	
29.	Đại hồi chưa chế	Kg	8	
30.	Đại phúc bì chưa chế	Kg	0,5	
31.	Đại táo chưa chế	Kg	1	
32.	Đan sâm chưa chế	Kg	5	
33.	Đẳng sâm chế	Kg	3	
34.	Đẳng sâm chưa chế	Kg	20	
35.	Đào nhân chưa chế	Kg	0,5	
36.	Diếp cá	Kg	0,5	
37.	Địa liên chưa chế	Kg	8	
38.	Đinh hương chưa chế	Kg	0,5	
39.	Đinh lăng củ chưa chế	Kg	3	
40.	Độc hoạt chưa chế	Kg	1	
41.	Đương quy chế	Kg	3	
42.	Đương quy chưa chế	Kg	19	
43.	Gừng tươi	Kg	7	
44.	Gừng khô	Kg	1	
45.	Hà thủ ô đỏ chưa chế	Kg	1	
46.	Hạ khô thảo chưa chế	Kg	1	
47.	Hạnh nhân chưa chế	Kg	0,5	
48.	Hắc táo nhân chưa chế	Kg	0,5	
49.	Hậu phác chưa chế	Kg	0,5	
50.	Hoa hòe chưa chế	Kg	12,5	
51.	Hoài sơn chưa chế	Kg	3	
52.	Hoàng bá chưa chế	Kg	0,5	
53.	Hoàng cầm chưa thái	Kg	0,5	
54.	Hoàng cầm đã thái	Kg	0,5	
55.	Hoàng kỳ chế	Kg	3	
56.	Hoàng kỳ chưa chế	Kg	12	
57.	Hoàng liên chế	Kg	0,5	
58.	Hoàng liên chưa chế	Kg	0,5	
59.	Hoàng tinh chưa chế	Kg	0,5	
60.	Hồng hoa chưa chế	Kg	1,2	

61.	Huyền sâm chưa chế	Kg	0,5	
62.	Huyết giác thái sẵn	Kg	6	
63.	Huyết giác chưa chế	Kg	3	
64.	Huyền hồ chưa chế	Kg	0,5	
65.	Hương phụ chưa chế	Kg	0,5	
66.	Hoắc hương chưa chế	Kg	1	
67.	Hy thiêm chưa chế	Kg	1	
68.	ích mẫu chưa chế	Kg	3	
69.	Kim anh chưa chế	Lít	0,5	
70.	Kim ngân hoa chưa chế	Kg	0,5	
71.	Ké đầu ngựa chưa chế	Kg	0,5	
72.	Kê huyết đằng chưa chế	Kg	0,5	
73.	Khổ qua	Kg	0,5	
74.	Khiêm thực chưa chế	Kg	0,5	
75.	La hán chưa chế	Kg	1,2	
76.	Lá vông chưa chế	Kg	3	
77.	Lạc tiên chưa chế	Kg	4	
78.	Liên kiều chưa chế	Kg	2	
79.	Liên nhục chưa chế	Lít	0,5	
80.	Liên tâm chưa chế	Kg	0,5	
81.	Long đởm thảo chưa chế	Kg	0,5	
82.	Mã tiền chưa chế	Kg	3	
83.	Mã tiền thái lát mỏng	Kg	10	
84.	Mạch nha chưa chế	Kg	0,5	
85.	Mạch môn chưa chế	Kg	3	
86.	Màn kinh tử chưa chế	Kg	0,5	
87.	Mẫu lệ chưa chế	Kg	0,5	
88.	Mật ong	Kg	25	
89.	Ngải cứu chưa chế	Kg	2	
90.	Ngũ bội tử chưa chế	Kg	0,5	
91.	Ngũ gia bì chưa chế	Kg	0,5	
92.	Nguru bàng tử chưa chế	Kg	0,5	
93.	Nguru tất chưa chế	Kg	2	
94.	Nhân sâm chưa chế	Kg	8	
95.	Nhân trần chưa chế	Kg	0,5	
96.	Nhũ hương chưa chế	Kg	0,5	
97.	Nhục đậu khấu chưa chế	Kg	0,5	
98.	Quế chi chưa chế	Kg	5	

Y
RƯỜN
AI HỌ
DUQ
HÁI BÌ
★

99.	Quế nhục chưa chế	Kg	10	
100.	Riềng	Kg	0,5	
101.	Sa sâm	Kg	0,5	
102.	Sinh địa chưa chế	Kg	25	
103.	Sâm đại hành chưa chế	Kg	5	
104.	Men rượu	Kg	1	
105.	Tam thất chưa chế	Kg	2	
106.	Táo nhân chưa chế	Kg	0.5	
107.	Tang bạch bì chưa chế	Kg	3	
108.	Tang diệp chưa chế	Kg	1	
109.	Thạch xương bồ	Kg	3	
110.	Thăng ma chưa chế	Kg	3	
111.	Thảo quyết minh chưa chế	Kg	5,4	
112.	Thiên niên kiện chưa chế	Kg	6,5	
113.	Thỏ phục linh chưa chế	Kg	1	
114.	Thương truật chưa chế	Kg	3	
115.	Tô mộc	Kg	1	
116.	Tia tô chưa chế	Kg	1,2	
117.	Tiền hồ chưa chế	Kg	0,5	
118.	Trạch tả chưa chế	Kg	2	
119.	Tục đoạn chưa chế	Kg	1	
120.	Trần bì chưa chế	Kg	2	
121.	Xạ can chưa chế	Kg	3	
122.	ý dĩ chưa chế	Kg	0,5	
123.	Uất kim chưa chế	Kg	0,5	
124.	Xuyên khung chế	Kg	3	
125.	Xuyên khung chưa chế	Kg	11	
126.	Lô căn	Kg	2	
127.	A.giao chế	Kg	0,74	
128.	Ba kích chế	Kg	0,74	
129.	Bá tử nhân chế	Kg	0,74	
130.	Bách bộ chế	Kg	0,74	
131.	Bạch chỉ chế	Kg	0,74	
132.	Bạch giới tử chế	Kg	0,74	
133.	Bạch linh chế	Kg	0,74	
134.	Bạch thược chế	Kg	0,74	
135.	Bạch truật chế	Kg	0,74	
136.	Bán hạ chế	Kg	0,74	

137.	Bồ cốt chỉ chế	Kg	0,74	
138.	Cam thảo chế	Kg	0,74	
139.	Cát căn chế	Kg	0,74	
140.	Cát cánh chế	Kg	0,74	
141.	Câu kỷ tử chế	Kg	0,74	
142.	Cẩu tích chế	Kg	0,74	
143.	Chỉ thực chế	Kg	0,74	
144.	Chi tử chế	Kg	0,74	
145.	Chi xác chế	Kg	0,74	
146.	Cốt toái chế	Kg	0,74	
147.	Cúc hoa chế	Kg	0,74	
148.	Đại táo chế	Kg	0,74	
149.	Dâm dương hoắc chế	Kg	0,74	
150.	Đan sâm chế	Kg	0,74	
151.	Đẳng sâm chế	Kg	0,74	
152.	Đào nhân chế	Kg	0,74	
153.	Đỗ trọng chế	Kg	0,74	
154.	Độc hoạt chế	Kg	0,74	
155.	Đương quy chế	Kg	0,74	
156.	Hạnh nhân chế	Kg	0,74	
157.	Hậu phác chế	Kg	0,74	
158.	Hoài sơn chế	Kg	0,74	
159.	Hoàng bá chế	Kg	0,74	
160.	Hoàng cầm chế	Kg	0,74	
161.	Hoàng kỳ chế	Kg	0,74	
162.	Hoàng liên chế	Kg	0,74	
163.	Hoè hoa chế	Kg	0,74	
164.	Hồng hoa chế	Kg	0,74	
165.	Huyền hồ chế	Kg	0,74	
166.	Huyền sâm chế	Kg	0,74	
167.	ích mẫu chế	Kg	0,74	
168.	ích chí nhân chế	Kg	0,74	
169.	Kê huyết đằng chế	Kg	0,74	
170.	Khiếm thực chế	Kg	0,74	
171.	Khương hoàng chế	Kg	0,74	
172.	Khương hoạt chế	Kg	0,74	
173.	Kim anh chế	Kg	0,74	
174.	Kim ngân hoa chế	Kg	0,74	

175.	Kinh giới chế	Kg	0,74	
176.	Liên kiều chế	Kg	0,74	
177.	Liên nhục chế	Kg	0,74	
178.	Ma hoàng chế	Kg	0,74	
179.	Mạch môn chế	Kg	0,74	
180.	Mạch nha chế	Kg	0,74	
181.	Mẫu đơn bì chế	Kg	0,74	
182.	Mộc hương chế	Kg	0,74	
183.	Mộc thông chế	Kg	0,74	
184.	Một dược chế	Kg	0,74	
185.	Nấm linh chi chế	Kg	0,74	
186.	Nga truật chế	Kg	0,74	
187.	Ngô thù du chế	Kg	0,74	
188.	Ngọc trúc chế	Kg	0,74	
189.	Ngũ gia bì chế	Kg	0,74	
190.	Ngũ vị tử chế	Kg	0,74	
191.	Ngưu tất chế	Kg	0,74	
192.	Nhân sâm chế	Kg	0,74	
193.	Nhân trần chế	Kg	0,74	
194.	Nhũ hương chế	Kg	0,74	
195.	Nhục đậu khấu chế	Kg	0,74	
196.	Nhục thung dung chế	Kg	0,74	
197.	Phòng phong chế	Kg	0,74	
198.	Quế chi chế	Kg	0,74	
199.	Quế nhục chế	Kg	0,74	
200.	Sa nhân chế	Kg	0,74	
201.	Sa sâm chế	Kg	0,74	
202.	Sài hồ chế	Kg	0,74	
203.	Sinh địa chế	Kg	0,74	
204.	Sơn thù chế	Kg	0,74	
205.	Tam thất chế	Kg	0,74	
206.	Tần giao chế	Kg	0,74	
207.	Tang bạch bì chế	Kg	0,74	
208.	Tang ký sinh chế	Kg	0,74	
209.	Tang phiêu tiêu chế	Kg	0,74	
210.	Táo nhân chế	Kg	0,74	
211.	Tế tân chế	Kg	0,74	
212.	Thạch xương bồ chế	Kg	0,74	

213.	Thăng ma chế	Kg	0,74	
214.	Thảo quyết minh chế	Kg	0,74	
215.	Thiên môn chế	Kg	0,74	
216.	Thiên niên kiện chế	Kg	0,74	
217.	Thỏ phục linh chế	Kg	0,74	
218.	Thỏ ty tử chế	Kg	0,74	
219.	Thông thảo chế	Kg	0,74	
220.	Thục địa chế	Kg	0,74	
221.	Thương nhĩ tử chế	Kg	0,74	
222.	Thương truật chế	Kg	0,74	
223.	Thuyền thoái chế	Kg	0,74	
224.	Trạch tả chế	Kg	0,74	
225.	Trần bì chế	Kg	0,74	
226.	Trinh nữ hoàng cung chế	Kg	0,74	
227.	Tục đoạn chế	Kg	0,74	
228.	Viễn chí chế	Kg	0,74	
229.	Xạ can chế	Kg	0,74	
230.	Xa tiền tử chế	Kg	0,74	
231.	Xuyên bối mẫu chế	Kg	0,74	
232.	Xuyên khung chế	Kg	0,74	
233.	ý dĩ chế	Kg	0,74	

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp theo danh mục nêu trên gửi báo giá về Trường Đại học Y Dược Thái Bình theo thông tin sau:

Đơn vị tiếp nhận: Phòng Vật tư & Trang thiết bị- Trường Đại học Y Dược Thái Bình – ĐT: 02273.838545 - 113

Địa chỉ: Số 373 Lý Bôn, phường Trần Lãm

Thời gian: trước 16h00 ngày 31/7/2026

Lưu ý: Giá của hàng hóa, dịch vụ là giá đã bao gồm các loại thuế, phí theo luật định và chi phí vận chuyển... đến Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Lưu VT, VT&TTB;
- Đăng trên website Trường.

